

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG  
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **23** tháng 8 năm 2017

Số: **433**/QĐ-QLCL

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm  
phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm**

**CỤC TRƯỞNG  
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

Căn cứ Quyết định số 1120/QĐ-BNN-TCCB ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;

Căn cứ Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Thông tư 09/2009/TT-BKHCN ngày 08/4/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về yêu cầu, trình tự thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;

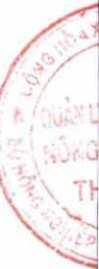
Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Liên Bộ: Bộ Y tế, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký thay đổi bổ sung phạm vi chỉ định tại đơn đăng ký số 087-17/ESKHĐ/CV ngày 22/05/2017 của Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng; Biên bản đánh giá ngày 21/7/2017; Báo cáo đánh giá ngày 25/7/2017 của Trưởng đoàn đánh giá; Báo cáo kết quả thực hiện biện pháp khắc phục của đơn vị ngày 31/7/2017; Bản thẩm định kết quả đánh giá ngày 9/8/2017, thẩm định khắc phục sai lỗi ngày 23/8/2017 của Phòng Thanh tra, Pháp chế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra, Pháp chế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung, thay đổi phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cụ thể như sau:



- Tên cơ sở: Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng
- Địa chỉ thay đổi thành: Lô E2b-3, Đường D6, Khu công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
- Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **009/2015/BNN-KNTP**.
- Danh mục chỉ tiêu được bổ sung phạm vi chỉ định: Phụ lục kèm theo (10 chỉ tiêu sinh học và 17 chỉ tiêu/nhóm chỉ tiêu hóa học).

**Điều 2.** Hiệu lực chỉ định đến ngày 8 tháng 12 năm 2018 (căn cứ theo thời hạn hiệu lực của Quyết định chỉ định số 509/QĐ-QLCL ngày 8/12/2015).

**Điều 3.** Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. ✓

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Cục ATTP – Bộ Y tế (để biết);
- Vụ KHCN - Bộ Công thương (để biết);
- Vụ KHCN&MT – Bộ NN&PTNT (để biết);
- Các đơn vị thuộc Cục QLCL NLTS (để biết);
- Lưu VT, TTPC.

**KT.CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Lê Bá Anh**

1.C.N  
CỤC  
CHẤT  
LƯỢNG  
NÔNG LÂM SẢN  
THỦY SẢN  
ĐƯỜNG SỐ 10 PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 9, TP. HCM

## DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC BỔ SUNG PHẠM VI CHỈ ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **433/QĐ-QLCL** ngày **23/8/2017**)

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Giới hạn phát hiện / phạm vi đo		Đã được công nhận ISO 17025
			Phương pháp	Giới hạn phát hiện (nếu có)	
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu sinh học</b>				
1	Phát hiện <i>Salmonella</i> spp.	Thực phẩm	TCVN 4829:2008 (ISO 6579:2007)	10 CFU/ 25g	X
2	Định lượng Coliforms Kỹ thuật đếm khuẩn lạc	Cà phê, cá, bột ngũ cốc	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	1CFU/ ml 10 CFU/ g	X
3	Định lượng <i>Clostridium pefringens</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc	Thực phẩm	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	1CFU/ ml 10 CFU/ g	X
4	Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính $\beta$ -glucuronidaza Phần 3: kỹ thuật tính số có xác suất lớn nhất sử dụng 5-bromo-4-chloro-3-indolyl $\beta$ -D-glucuronid	Cá, thịt	ISO 16649-3: 2015	0,3 MPN/ ml 3 MPN/ g	X
5	Định lượng nấm men và nấm mốc Phần 1: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước lớn hơn 0,95	Thực phẩm	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527- 1:2008)	1CFU/ ml 10 CFU/ g	X
6	Định lượng nấm men và nấm mốc Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước nhỏ hơn hoặc bằng 0,95	Thực phẩm	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527- 2:2008)	10 CFU/ g	X
7	Phát hiện <i>Listeria</i> spp.	Cá	TCVN 7700-1: 2007 (ISO 11290-1: 2004)	10 CFU/ 25g	X
8	Phát hiện <i>Listeria monocytogenes</i>	Cá	TCVN 7700-1: 2007 (ISO 11290-1: 2004)	10 CFU/ 25g	X
9	Phát hiện <i>Vibrio parahaemolyticus</i>	Nước chấm, Cá	TCVN 7905- 1:2008 (ISO/TS 21872-	10 CFU/ 25g (ml)	X

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Giới hạn phát hiện /phạm vi đo		Đã được công nhận ISO 17025
			Phương pháp	Giới hạn phát hiện (nếu có)	
9	Phát hiện <i>Vibrio parahaemolyticus</i>	Nước chấm, Cá và thủy sản	TCVN 7905-1:2008 (ISO/TS 21872-1:2007)	10 CFU/ 25g (ml)	X
10	Phát hiện <i>Salmonella</i> spp.	Bột biển, tằm bông là mẫu kiểm tra vệ sinh trong sản xuất thực phẩm	TCVN 4829:2008 (ISO 6579:2007)	3 CFU/ mẫu	X
<b>II Các chỉ tiêu hóa học</b>					
1	Xác định hàm lượng axit tính theo axit acetic	Nước mắm	TCVN 3702: 2009	0,1 g/l	X
2	Xác định hàm lượng Nito ammoniac	Cá và nước mắm	TCVN 3706: 1990	Nước mắm: 0,04 mg/100ml Cá: 4,0 mg/100g	X
3	Xác định hàm lượng Nito amin amoniac	Nước mắm, mắm ruốc	TCVN 3707: 1990	0,1 g/l	X
4	Xác định hàm lượng Nito axit amin	Nước mắm, mắm cá	TCVN 3708: 1990	0,2 g/l	X
5	Xác định hàm lượng NaCl	Thủy sản và sản phẩm thủy sản	TCVN 3701: 2009	Nước mắm: 1 g/l Khác: 0,05 g/l	X
6	Xác định hàm lượng N tổng	Cá và nước mắm	TCVN 3705: 1990	0,1 g/l	X
7	Xác định hàm lượng As vô cơ Phương pháp ICP/MS	Nước mắm, Gạo, Cá, Tôm	EHC-TP2-238 (Ref. IMEP-41)	Gạo, cá, tôm: 0,02 mg/kg Nước mắm: 0,02 mg/l	X
8	Xác định hàm lượng Histamine Phương pháp sắc ký khí đầu dò ion hóa ngọn lửa	Nước mắm	EHC-TP1-128	1 mg/100g	X

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Giới hạn phát hiện /phạm vi đo		Đã được công nhận ISO 17025
			Phương pháp	Giới hạn phát hiện (nếu có)	
	(GC/FID)				
9	Xác định hàm lượng Cyclamate Phương pháp sắc ký ion (IC)	Nước mắm	EHC-TP1-034	20 mg/kg	X
10	Xác định hàm lượng Protein	Lạp xường, cà phê, đậu nành, chà bông thịt, chả giò, gạo	EHC-TP2-047	0,1%	X
11	Xác định hàm lượng ẩm	Thịt, lạp xường, đồ hộp, gạo, đậu nành, chà bông, chả giò	EHC-TP2-048	0,1%	X
12	Xác định hàm lượng muối NaCl	Há cảo, chà bông, lạp xường, chả giò	EHC-TP2-061	0,01%	X
13	Xác định hàm lượng Tro tổng	Chả giò, đậu nành, chà bông, lạp xường, gạo	EHC-TP2-049	0,01%	X
14	Xác định hàm lượng Béo tổng	Khoai tây, pate, chả giò, đậu nành, chà bông, lạp xường, gạo	EHC-TP2-050	0,1%	X
15	Xác định hàm lượng: (Phương pháp ICP-MS) As	Cà phê, gạo, nước mắm, rau,	AOAC 2015.01	0,01 mg/kg	X

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Giới hạn phát hiện / phạm vi đo		Đã được công nhận ISO 17025
			Phương pháp	Giới hạn phát hiện (nếu có)	
	Cd	xúc xích		Nước mắt 0,02 mg/l Khác: 0,007 mg/kg	
	Hg			0,012 mg/kg	
	Pb			Nước mắt: 0,04 mg/l Khác: 0,02 mg/kg	
16	Xác định hàm lượng: (Phương pháp ICP-MS)	Cà phê, gạo, nước mắm, rau, xúc xích	EHC-TP2-243 (Ref. AOAC 2015.01)		X
	Cu			0,4 mg/kg	
	Fe			0,4 mg/kg	
	Sb			0,02 mg/kg	
	Sn			0,02 mg/kg	
	Zn			Nước mắt: 0,8 mg/l Khác: 0,5 mg/kg	
17	Xác định hàm lượng Aflatoxin Phương pháp sắc ký lỏng đầu dò huỳnh quang (HPLC/FLD)	Hạt điều	Modified DIN EN 14123: 2008-03	0,5 µg/kg	X